

# Lại Nói Chuyện Đường Thi.

01 – 146 (156).

## (KỶ 10)

Rồi ở một đoạn dưới, bà Huệ Thu viết:

– “Trong bài Xương họa với Chiêu Hồ :

Anh đồ tỉnh, anh đồ say

Sao anh gheo nguyệt giữa ban ngày ?

Này này chị bảo cho mà biết

Chôn ấy hang hùm chớ mó tay !

Hay trong bài Khóc Tổng Cóc :

Chàng cóc ơi ! Chàng Cóc ơi !

Thiếp bén duyên chàng có thể thôi

Nòng nọc đứt đuôi từ đây nhé

Nghìn vàng khôn chuộc dầu bôi vôi !

Câu đầu của hai bài thơ Tứ Tuyệt mỗi câu chỉ có 6 chữ, theo luật vừa phá cách vừa thất niêm, không nhất tứ (theo niêm thơ tứ tuyệt : nhất tứ, nhị tam). Những phá cách của nữ sĩ họ Hồ khó ai bắt bẻ được, bởi thơ bà chữ nghĩa dùng quá hay và quá tài tình.

Những người còn quá câu nệ vào luật thơ thì nên nhớ câu này :

Tận tín thư bất như vô thư = tin hết vào sách thà đừng có sách còn hơn.  
Học nhưng phải có sáng tạo nhưng muốn sáng tạo phải biết cho tường tận trước đã.

Bất kể cái gì cũng cần phải học, phải có nguyên tắc. Và cũng phải hiểu, chưa có một nguyên tắc nào là vẹn toàn ! Học như thế mới là học”.

Nói [*vênh váo*], *dạy đời* như trên – “phải biết cho tường tận trước đã”, tức bà Huệ Thu nghĩ rằng mình đã “biết tường tận” về *Đường thi* – ý này của bà Huệ Thu thực rõ ràng!

*Thi học bà Huệ Thu học chưa tới nơi tới chốn mà muốn dạy thiên hạ về thơ!*  
2 bài thơ trên đây của Hồ Xuân Hương không là 2 bài Tứ tuyệt Luật thi vừa “phá cách” vừa “thất niêm” như bà Huệ Thu đây *tưởng theo cái kiến thức kém cỏi của bà*, mà là 2 bài *Từ* ~ mà *Từ* thì thuộc loại *Nhạc phủ*, thuộc *Cổ thi*.

Và, nếu như thế thì làm gì có *cái sự* gọi là “vừa phá cách vừa thất niêm, không nhất tứ (theo niêm thơ tứ tuyệt : nhất tứ, nhị tam.)” như bà Huệ Thu *nói bậy!*

~ “Cách” *đâu ở đây* mà “phá”? “Niêm” *đâu ở đây* mà “thất”? Bà Huệ Thu rồi *giảng bậy* thiệt là hùng hồn! Tôi nghe bà Huệ Thu “*giảng dạy*” thơ mà phải phì cười!

Và như vậy, sự hiểu biết của bà Huệ Thu về *Thi học* đời Đường rồi *ở cõi nào đâu!*

Để bà Huệ Thu bỏ đi cái thói ngạo mạn, lên mặt giảng dạy thiên hạ, tôi lấy vài thí dụ về *bài Từ* với thể thức như *Hồ Xuân Hương* đã *bắt chước làm theo* trên đây.

Bài Từ “*Đảo Luyện Tử*” (搗練子) của Phùng Diên Ty (903 - 960) thời Ngũ Đại:  
*Thâm viện tĩnh, tiểu đình không, (6 chữ).*  
*Đoạn tục hàn tâm (寒砧) đoạn tục phong.*  
*Tao thị dạ trường nhân bất tẩm,*  
*Sổ thanh hòa nguyệt đảo liêm lung.*

Nhà thăm lặng, khoảnh sân không, (6 chữ).  
Tùng trận hơi thu từng trận phong.  
Này lúc đêm dài thao thức mãi,  
Với trăng, vài tiếng tới rèm trong.

(**Minh Di** dịch).

([Tham khảo](#):

*Toàn Đường. Ngũ Đại Từ*. Chính Biên. Qu. III. Ngũ Đại Từ.

Biên soạn: Tăng Chiêu Mân. Tào Tế Bình. Vương Triệu Bằng. Lưu Tôn Minh).

Dưới bài “*Đảo Luyện Tử*”, phần chú thích cho biết bài *Từ* này còn có các Tựa đề:

*Đảo Luyện Tử Lệnh / Thâm Viện Nguyệt*, đều là tên của *điệu* từ.

[Chữ “*Lệnh*” trong Tên bài “*Đảo Luyện Tử Lệnh*” trên đây là một chữ rất thường được dùng trong tên Tựa của các Khúc điệu, Từ điệu....].

Lý Hậu Chủ Lý Dục (937 - 978; tại vị: 961 - 975) về *Điền Từ* được xưng là “Thánh thủ”.

Câu 3: 2 tiếng “Tao thị” (*Tao = Gặp*), tập *Nam Đường Nhị Chủ Từ* chép là “Vô nại”, có nghĩa là “Biết phải làm sao đây?”.

Cuốn *Thi Ca Văn Học Toàn Yếu* của Trương Tổ Di y cứ tập trên.

(Đệ thất Chương. Từ Khúc Hệ thống. trang 131).

Chữ “trường” (dài), *Nam Uyển Tùng Đàm* (Qu. X) ghi là “hàn” (lạnh).

Chữ “tâm” (ngủ), *Nam Đường Nhị Chủ Từ* ghi là “mị” (cũng có nghĩa là ngủ).

Thời Ngũ Đại (907 - 960), về *Từ* thì Trương Diên Ty là người tài hoa, chỉ dưới Lý Dục.

Có thể thấy câu đầu 6 chữ gồm 2 đoạn đối nhau:

*Thâm viện tĩnh / tiểu đình không.*

Câu 6 chữ trong các Bài *Từ* với thể thức 4 câu, 27 chữ, như trên đây đều như vậy, các thí dụ ở sau cho thấy rõ điều này.

2 bài *Từ* “*Xích Tảo Tử*” (赤棗子) của Âu Dương Huýnh (896 - 971) cũng thời Ngũ Đại:

*Dạ thiếu thiếu, chúc oanh oanh, (6 chữ).*

*Kim lô hương tận tửu sơ tỉnh (醒).*

*Xuân miên khởi lai hồi tuyết diện,*

*Hàm tu bất ngữ ý vân bình.*

Đêm lặng lẽ, đuốc mông lung, (6 chữ).

Lò vàng hương tận, tỉnh men xong .

Tỉnh rồi giấc xuân, day lại tuyết,

Thẹn thùng chẳng nói, dựa bình phong. [*Minh Di*].

*Liên kiếm bạc, liễu mi trường, (6 chữ).*

*Đẳng nhàn vô sự mạc tư lương (量).*

*Mỗi nhất thời kiến minh nguyệt dạ,*

*Tồn nhân tình tứ đoạn nhân trường.*

Gương mặt nhạt, nét mày dài, (6 chữ).

Lúc nhàn, vô sự, chớ lo này.

Mỗi lúc trăng sáng đêm tỏ rạng,

Tồn người tình tứ, nảo người hoài. [*Minh Di*].

(2 bài *Từ* dẫn trên: *Toàn Đường Ngũ Đại Từ*. Chính Biên. Qu. III. Ngũ Đại Từ).

Một bài *Từ* nữa, bài “*Ngư Phủ*” của Trương Chí Hòa (? - ?) đời Đường (618 - 907):

*Tây tái sơn biên bạch lộ phi,  
Đào hoa lưu thủy quế ngư phi.  
Thanh nhược lập, lục soa y, (6 chữ).  
Tà phong tế vũ bất tu qui.*

Trương Chí Hòa có tất cả 5 bài *Từ* có tên *Tựa* chung là “*Ngư Phủ*”. 4 bài kia cũng như bài dẫn ở đây, cũng *câu 6 chữ là câu thứ 3*. Bài dẫn trên là Bài thứ nhất.

Tựa bài “*Ngư Phủ*” còn có các tên: *Ngư Ca*. *Ngư Ca Tử*. *Ngư Phủ Ca*. *Ngư Phủ Từ*.

(Tham khảo:

*Toàn Đường. Ngũ Đại Từ*. Chính Biên. Qu. I. Đường Từ).

Bà Huệ Thu không biết rằng *Từ* là *nhạc phủ*, nghĩa là có thể *ca theo tiếng đàn*, do đó một bài *Từ* có thể gồm những câu 3 chữ, 5 chữ, 6 chữ, 7 chữ.... xen lẫn lộn, và *số câu không nhất định*, thậm chí có thể là một bài 4 câu 7 chữ [tức thất tuyệt] – mà có thể là *Luật thi*, có thể không, miễn là có thể nhập nhạc để ca.

Bài *Từ* “*Bạt trạo Ca*” (撥棹歌) 4 câu 7 chữ của Hòa thượng Thuyền Tử (? - ?):

*Thiên xích ty luân trực hạ thùy,  
Nhất ba tài động vạn ba tùy.  
Dạ tĩnh thủy hàn, ngư bất thực,  
Mãn thuyền không tái nguyệt minh qui.*

Ngàn thước dây tơ thẳng xuống gieo,  
Một làn vừng vạn làn theo.  
Đêm lặng nước se, cá chẳng đớp,  
Đầy thuyền trăng sáng chở về theo.  
(**Minh Di**).

*Bài Kệ* này được Bành Thừa (? - ?) triều Bắc Tống (960 - 1127) ghi lại trong tập Bút ký *Mặc Khách Huy Tê* (墨客揮犀).

Tập “*Toàn Đường. Ngũ Đại Từ*” thu lục, liệt trong phần Chính Biên. Qu. I. Đường Từ.

**Hòa thượng Thuyền Tử**, Pháp danh **Đức Thành**, cho tới nay người ta **vẫn không rõ** ông sanh năm nào mất năm nào, sống vào khoảng cuối đời Đường (618 - 907).

Ông người huyện Toại Ninh ở miền Đông đất Thục (tức tỉnh Tứ Xuyên), cư ngụ ở vùng Dục Sơn 30 năm, là người **truyền đấng** của thiền sư Duy Nghiêm. Sau về Tú châu ở đất Hoa Đình (tỉnh Giang Tô), 1 người 1 chiếc **thuyền nhỏ**, tùy duyên độ nhật, giao tiếp với người bốn phương qua lại; do đó lấy tên Hiệu là **Thuyền Tử**.

Trong khoảng 2 Niên hiệu Thái Hòa (827 - 835), và Khai Thành (836 - 840) thời Đường Văn tông (809 - 840; tại vị: 827 - 840) chiếc **thuyền nhỏ** đó bị lật úp, ông qua đời.

Là **người tu**, đương nhiên Hòa thượng **Thuyền Tử** không câu cá **sát sanh** để ăn, hoặc đem bán, ông chỉ ngồi câu chơi, câu không có lưỡi câu, không có mồi.

Hòa thượng Thuyền Tử là một Thiền sư – **ngồi câu** ở đây, do đó, rồi cũng có thể được **coi như** là một phương cách **tập định** [**ngồi Thiền**] – và khi nói “**cá chẳng đớp**” ở đây cũng chỉ là một cách nói văn chương; và hơn nữa, có mồi, có lưỡi câu đâu mà “**đớp**”?

(**Bài Từ** trên đây là **bài thứ 2** trong **39 bài Từ** có cùng Tựa là “**Bạt trạo Ca**”).

Tập “**Mặc Khách Huy Tê**” dẫn trên viết về bài **Từ** này của Hòa thượng Thuyền Tử:

~ **Tùng lâm** thịnh truyền, **trưởng kiến** kỳ vi nhân.

/ **Mặc Khách Huy Tê**. Qu. VII. 05 /.

~ (Bài **Kệ** trên đây) được lưu truyền rất rộng trong giới **Thiền tông**, **ai cũng mong gặp** một người như ông.

Số **câu** / số **chữ** của 1 **bài Từ** rất phong phú, đa dạng – nhất là tự do, **không câu thúc** trong một hình thức nhất định nào.

**Từ** thì có nhiều **điệu** khác nhau, 2 **Từ điệu** – hay 3, hoặc hơn, **số chữ** có thể như nhau nhưng số câu, phân bố của các câu, rồi số chữ của các câu hồ hết không giống nhau.

Sau đây là một số **Từ điệu** và hình thức của các **điệu** này:

[5++....].

**Thẩm Thuyên Kỳ** (? - 713 ?) có **01 bài Từ**.

~ **Hồi ba lạc** (迴波樂).

+ **4 câu** / 6 chữ: **6 / 6 / 6 / 6**. (24 chữ).

**Lý Bạch** (701 - 762) có **13 bài Từ**.

(a). **Liên lý chi** (連理枝). 02 bài.

+ **7 câu**, số chữ của các câu: **5 / 5 / 4 / 4 / 4 / 8 / 5**. (35 chữ).

(b). **Thanh bình lạc** (清平樂). 05 bài.

**8 câu**, số chữ của các câu: **4 / 5 / 7 / 6 / 6 / 6 / 6 / 6**. (46 chữ).

(c). **Bồ tát man** (菩薩蠻). 02 bài.

**8 câu**, số chữ của các câu: **7 / 7 / 5 / 5 / 5 / 5 / 5 / 5**. (44 chữ).

[**Minh Di**:

“**Bồ Tát Man**” là 1 khúc điệu cuối đời Đường (618 -907), thời điểm Lý Bạch đã mất, bởi vậy có người ngờ **2 bài Từ này** do người khác ngụ thác tên Lý Bạch.

**Bồ Tát Man** là điệu nhạc xuất từ **Giáo Phường** (教坊), là chỗ dạy ca vũ của triều đình].

(d). **Thanh bình điệu** (清平調). 03 bài.

**4 câu** / 7 chữ. (28 chữ).

Trong 3 bài Từ thuộc điệu “**Thanh Bình**” này bài thứ nhất rất nổi tiếng, cho nên thường được đưa vào các tuyển bản Đường thi của thi nhân thời Đường:

Vân tưởng y thường hoa tưởng dung,

Xuân phong phát hạm lộ hoa nùng.

Nhược phi quần ngọc hoa đầu kiến,

Hội hương dao đài nguyệt hạ phùng.

(e). **Úc Tần Nga** (憶秦娥).

**10 câu**, số chữ của các câu: **3 / 7 / 3 / 4 / 4 / 7 / 7 / 3 / 4 / 4**. (46 chữ).

**Lưu Vũ Tích** (772 - 842) có **39 bài Từ**, trong đó có tới 31 bài là 4 câu 7 chữ; còn lại là:

(a). **Hốt Na khúc** (紇那曲). 02 bài.

+ **4 câu** / 5 chữ: **5 / 5 / 5 / 5**. (20 chữ).

(b). **Úc Giang Nam** (憶江南). 02 bài.

+ **5 câu**, số chữ của các câu như sau: **3 / 5 / 7 / 7 / 5**. (27 chữ).

(c). **Tiêu Tương thần** (瀟湘神). 02 bài.

+ **4 câu**, số chữ của các câu như sau: **6 / 7 / 7 / 7** (27 chữ), tức số chữ và **sự phân bố** của các câu cũng như bài Từ “**Đảo Luyện Tử**” và 2 bài Từ “**Xích Tảo Tử**” đã dẫn.

(d). **Phao cầu lạc** (拋毬樂). 02 bài.

+ **6 câu**, mỗi câu 5 chữ: **5 / 5 / 5 / 5 / 5 / 5**. (30 chữ).

**Bạch Cư Dị** (772 - 846) có **28 bài Từ**:

(a). **Dương liễu chi** (楊柳枝). 20 bài.

+ **4 câu** / 7 chữ. (28 chữ).

(b). **Úc Giang Nam**. 03 bài.

+ **5 câu**, số chữ của các câu: **3 / 5 / 7 / 7 / 5**. [như trường hợp (b) ở trên].

(c). **Yến đào nguyên** (宴桃源). 03 bài.

+ **6 câu**, số chữ các câu: **6 / 6 / 5 / 6 / 4 / 6**. (33 chữ).

(d). **Trường tương tư** (長相思). 02 bài.

+ **6 câu**, số chữ của các câu: **6 / 7 / 5 / 6 / 7 / 5**. (36 chữ).

**Ôn Đình Quân** (812 - 870) có tất cả **69 bài Từ**, kể một vài hình thức:

(a). **Bồ tát man** (菩薩蠻). 14 bài.

+ **8 câu**, số chữ của các câu như sau: **7 / 7 / 5 / 5 / 5 / 5 / 5 / 5**. (44 chữ).

(b). **Hà độc thần** (河瀆神). 03 bài.

+ **8 câu**, số chữ của các câu: **5 / 6 / 7 / 6 / 7 / 6 / 6 / 6**. (49 chữ).

Ngoài ra còn có nhiều hình thức nữa, nhiều không thể nêu hết ra đây, chẳng hạn:  
+ **8 câu**, mỗi câu **5 chữ** (40 chữ); **2 câu**, mỗi câu **7 chữ** (14 chữ).....

(Tham khảo:

**Toàn Đường Ngũ Đại Từ**. Chính biên. Qu. I.

Thảm Thuyên Kỳ. Lý Bạch. Lưu Vũ Tích. Bạch Cư Dị. Ôn Đình Quân).

**Từ** (詞) là một hình thức thơ, một thể thơ, xuất hiện vào khoảng cuối thời Đường.

Có **nhạc khúc** thuần túy – tức chỉ **có nhạc, không có lời**, người ta theo âm điệu **nhạc** mà đặt lời **để ca**, là **điền** trong lãnh vực **Từ học** được gọi là “**Điền từ**” (填詞) – nghĩa là đặt lời (cho nhạc), hay nói khác đi, **Từ** là lời của một điệu nhạc, khúc nhạc nào đó, như ngày nay phân nhạc và lời, chỉ **khác có** một điều là **lời nhạc (Từ)** ở đây **được** nâng lên hàng nghệ thuật thi ca, **Từ** ở đây là **một bài thơ, một thể thơ, không là thi gia** thì khó mà “**điền từ**” cho hay!

Có điều, bên cạnh đó cũng có trường hợp nhạc công, ca kỹ lấy những bài thơ nổi tiếng của các thi nhân như Đỗ Phủ, Cao Thích.... phối nhạc mà ca, chẳng hạn:



(1). Bài thứ 2 trong 6 bài trong khúc “*Thủy điệu*” (水調) lấy thơ của Đỗ Phủ:

Cầm Thành ty quản nhật phân phân (紛紛),  
Bán nhập giang phong bán nhập vân.  
Thử khúc chỉ ưng thiên thượng khứ,  
Nhân gian năng đắc kỷ hồi văn?

Cầm Thành đàn sáo bữa mê mê,  
Nửa nhập gió sông nửa nhập mây.  
Này khúc cõi trời kia mới có,  
Nhân gian nghe được mấy hồi đây?  
[Minh Di].

Đây là bài thất tuyệt tựa đề “*Tặng Hoa Khanh*”. (*Đỗ Thi Kính Thuyên*. Qu. VIII).

Bài này được ca kỹ tên Đinh Lục Nương nhập nhạc để ca.

Khúc “*Thủy điệu*” trên đây là một Khúc nhạc được soạn theo *Thương điệu* (商調), tức tương đương Cung RÉ trong âm nhạc Tây phương. (*Minh Di*):

(2). Bài thứ 3 trong 6 khúc “*Lương Châu*” lấy thơ của Cao Thích:  
Khai hiệp (篋) lệ triêm nhu (襦),  
Kiến quân tiền nhật thư.  
Dạ đài *không* tịch mịch,  
Do thị tử vân *xa*!

Đây là 4 câu đầu bài “*Khốc Đơn phủ Lương cửu Thiếu phủ*”.

(*Cao Thích Thi Tập*. Đệ nhất bộ phận. Biên niên thi ~ trang 87).

Khúc “*Lương Châu*” soạn theo *Cung điệu* (宮調), như Cung DO nhạc Tây phương.

2 thí dụ (1) và (2) trên đây được Quách Mậu Thiển (? - ?) thời Nam Tống (1127 - 1279) dẫn trong tác phẩm “*Nhạc Phủ Thi Tập*” (Qu. LXXIX. Cận đại Khúc từ 1) của ông.

Ở thí dụ (2) người ca lấy 4 câu thơ của Cao Thích nhập nhạc, đổi 2 chữ:  
Câu thứ 2, đổi chữ “*kim*” (今) trong nguyên tác của Cao Thích thành chữ “*không*” (空).



Câu thứ 4 đổi chữ “*cu*” (居) thành chữ “*xa*” (車).

+ “*Nhạc Phủ Thi Tập*” là tác phẩm sưu tập Ca dao trước thời *Tần* (221 - 206 tr. Cn) và Nhạc phủ, Ca từ các triều Hán (206 tr. Cn - 220 Cn), Ngụy (220 - 265)... xuống tới các triều Đường (618 - 907), Ngũ Đại (907 - 960).

Đây là một tác phẩm nghiên cứu tinh tường hơn hết về Nhạc phủ từ trước tới nay.

Vào buổi đầu thì một bài ca (ca phổ) của một bài *Từ* được gọi là “*Từ bài*” (詞牌), ở đây chữ “*bài*” (牌) đồng nghĩa với chữ “*phổ*” (譜).

Một “*Từ bài*” (詞牌) là một “*điệu*” (調), tức nhạc điệu, tuân theo những qui định *nhạc lý* về nhạc điệu đó, cho nên “*Từ bài*” cũng được gọi là “*Từ điệu*” (詞調).

Từ đó mà chúng ta hiểu tại sao *số câu của một bài từ*, rồi *số chữ của các câu*, có nhiều có ít. Nói rõ ra là *ngôn ngữ (lời nhạc)* ở đây phải tuân theo *Luật nhạc*. Mà nhạc thì có rất nhiều điệu – khác điệu thì số câu, số chữ của câu của một bài Từ cũng khác đi.

Một bài Từ làm theo điệu nhạc nào thì lấy tên điệu nhạc đó làm tựa bài Từ, như đã dẫn ở trên, “*Hồi ba lạc*”, “*Úc Giang Nam*”, “*Thanh bình điệu*”, “*Hốt Na khúc*”... – Từ nhân hồ như không đặt tựa riêng cho bài Từ như trong một bài thơ.

Sau này, khi *Từ* diễn biến thành “*Khúc*” (曲) – tức “*Tạp Kịch*” – thì bài ca (ca phổ) của một “*Khúc*” cũng được gọi là “*khúc bài*” (曲牌).

Thê *Từ* xuất hiện vào cuối đời Đường (618 - 907), rục rịch ở thời Ngũ Đại (907 - 960) và lên tới tuyệt đỉnh vào thời Triệu Tống (960 - 1279).

Trong Văn học Trung Hoa, nói *thi* thì chỉ mỗi thời Đường, nói *từ* chỉ một thời Tống, hay nói rõ hơn, tuyệt đỉnh của *thi* Trung Hoa là ở thời *Đường*, *cực điểm* của *từ* Trung Hoa là thời *Triệu Tống*, các nhà phê bình Văn học nói *Đường thi*, *Tống từ* là vì vậy!

[...++5].

Tôi dẫn lại 2 bài *Từ* của Hồ Xuân Hương mà bà Huệ Thu dẫn ở một đoạn trước đây và nói chắc nịch rằng đây là 2 “*bài thơ Tứ Tuyệt*”, và “*Câu đầu của hai bài thơ..... mỗi câu chỉ có 6 chữ, theo luật vừa phá cách vừa thất niêm*”:

Anh đồ tình, anh đồ say  
Sao anh ghẹo nguyệt giữa ban ngày ?

Này này chị bảo cho mà biết  
Chôn ấy hang hùm chớ mó tay !

Chàng cóc ơi ! Chàng Cóc ơi !  
Thiếp bén duyên chàng có thể thôi  
Nòng nọc đứt đuôi từ đây nhé  
Nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi !

+ Qua những gì trưng dẫn ở trước tôi có thể biết được rằng bà Huệ Thu, vốn phụ trách diễn đàn thơ, nếu có người hỏi bà 2 bài thơ của Hồ Xuân Hương bà dẫn trên thuộc thể thơ gì hẳn bà sẽ nói đây là 2 bài Tứ tuyệt “vừa phá cách vừa thất niêm, không nhất tứ (theo niêm thơ tứ tuyệt : nhất tứ, nhị tam.)” – Hỡi ơi!

~ “Cách” đâu ở đây mà “phá”? , “niêm” đâu ở đây mà “thất”?

Đã thế bà lại giảng dạy thiên hạ “những phá cách của nữ sĩ họ Hồ khó ai bắt bẻ được”.

~ Là bài *Từ* thì làm sao có thể lấy *Luật thi* để mà “bắt bẻ” đây? nói rõ hơn, làm sao mà có thể bắt bẻ được cái không có gì để “bắt”, để “bẻ”? Luật nào ở đây, bà Huệ Thu?

Nói “bắt”, nói “bẻ” thì có thể nào “bắt” được hư không, có thể nào “bẻ” được hư không? Những ai *có kiến thức* về *Đường thi* thì có ai mà lấy Luật thi bắt bẻ một bài *Từ*, do đó *có ai đâu* mà “khó ai” ở đây?

Bà Huệ Thu rồi *giảng bậy* thiệt là hùng hồn!

Bà Huệ Thu nói người ta “phải biết cho tường tận trước đã”.

Thế nhưng, 2 *bài Từ* của Hồ Xuân Hương mà bà đến chẳng biết, để rồi nói tâm bậy là 2 bài “Luật thi phá cách” – và như thế thì bà đã *biết tường tận* chưa đây?

Những thể loại của *Đường Thi* bà Huệ Thu không nắm vững, thậm chí có rất nhiều cái bà chẳng biết gì hết, tóm lại là chưa biết *tường tận*, thế mà bà lại lên mặt dạy người ta về sự “*tường tận*” – cũng thú vị đó chứ!

Bà Huệ Thu có vẻ *tự hào* về sự *hiểu biết về Đường thi* của bà lắm, lắm – và hơn nữa bà còn lên mặt *giảng dạy người* trong thiên hạ về *thơ Đường* – thế thì, *xin* bà dạy cho 2 *bài thơ* sau đây của Lưu Vũ Tích (772 - 842) thuộc thể loại gì:

**Lãng Đào Sa (浪淘沙).**  
**Anh Vũ châu đầu lãng chiếm sa,**  
**Thanh lâu xuân vọng nhật tương tà.**  
**Hàm nê yển tử tranh qui xá,**  
**Độc tự cuồng phu bất ức gia!**

Anh Vũ đầu còn sóng cát xa,  
Lâu xanh xuân ngóng bóng hồ tà.  
Ngâm bùn bầy én tranh về tổ,  
Chỉ mỗi người điên chẳng nhớ nhà!  
(*Minh Di*).

+ **Thanh lâu** có nhiều nghĩa:  
1/. Nơi cư trú của giới hào phú, quyền quý, hoặc đế vương.  
2/. Chỗ ở của người đẹp.  
3/. Kỹ viện.

**Kim Lăng Ngũ đê. Kỳ nhị.**  
**Chu Tước kiều biên dã thảo hoa,**  
**Ô Y hạng khẩu tịch dương tà.**  
**Cựu lai Vương, Tạ đường tiền yển,**  
**Phi nhập tâm thường bách tính gia.**

Chu Tước ven cầu loạn cỏ hoa,  
Ô Y trước hẻm bóng dương tà.  
Én xưa ngoài ngõ nhà Vương, Tạ,  
Nay lượn vào nhà dân chúng ta.  
(*Minh Di*).

+ 2 chữ “**Cựu lai**” ở đầu Câu 3, hầu hết các Tuyển bản Đường thi đều ghi “**Cựu thời**”.

Ở đây tôi căn cứ Bản “**Lưu Tân Khách Văn Tập**” (Qu. XXIV) của Lưu Vũ Tích.

+ Vì tả hẻm “**Ô Y**” cho nên trong các tuyển bản Đường thi thường ghi tựa đề Bài này là “**Ô Y hạng**”, cũng đúng vì bài này tả “**Hẻm Ô Y**”.

Và bài thơ sau đây của Vương Duy (701 - 761):

**Cửu nguyệt Cửu nhật ức Sơn Đông huynh đệ.**  
**Độc tại dị hương vì dị khách,**  
**Mỗi phùng giai tiết bội tư thân.**  
**Dao tri huynh đệ đăng cao xứ,**

***Biến sáp thù du thiếu nhất nhân.***  
(*Vương Hữu Thừa Tập Tiên Chú. Qu.*)

***Ngày 9 tháng 9 nhớ anh em ở Sơn Đông.***  
Xứ lạ một mình làm khách lạ.  
Người thân ngày lễ nhớ nào nguôi.  
Anh em xa biết nơi cao ấy,  
Khắp đất thù du thiếu một người.  
(*Minh Di*).

Thơ Đường rất ít gieo **vận trắc**, ở đây chữ cuối câu 1 là thanh trắc, lại không phải vận. Bà Huệ Thu nghĩ sao? chữ “**khách**” ở cuối câu 1 trong **Thi học đời Đường** gọi là gì? – có một danh từ chuyên môn để gọi **chữ này, danh từ đó** là gì? bà có biết không?

Có “**phá cách, thất niêm, thất luật lung tung**” gì không đây, bà Huệ Thu? Kiến thức của bà Huệ Thu về **thơ Đường** cũng chỉ là đọc trong những Sách Giáo khoa và một số tuyển tập dịch **thơ Đường**, rất **thiếu sót**, và **sai lầm**, trước đây. Bà Huệ Thu **chỉ biết** mỗi **Luật thi** ~ mà biết cũng chưa tới nơi tới chốn nữa!

Chỉ biết tới mỗi **Luật thi**, chẳng sao, chẳng ai nói, *nhưng vấn đề* của bà Huệ Thu ở đây là cứ mỗi cái là bà lại mang “**Cái thước Luật thi**” ra mà đo lung tung...., để rồi nói, kể cả giảng dạy, tán loạn, nào là “**phá cách**”, nào là “**thất Luật**”, “**thất niêm**”.... bất kể **thơ** đó là **cái chi**, là **Cổ thi**, là **Ca**, là **Từ**... là những thể loại vốn ở ngoài vòng **Luật thi** ~ tóm lại là **bất cứ cái nào** chẳng may mà được gọi là **thơ, tiếng bằng, tiếng trắc** lỏm ngỏm **bò** – là bà Huệ Thu đều lấy “**Cái thước Luật thi**” mà **đo** ráo trọi!

**Minh Di**

**Nguồn:** [https://www.hon-viet.co.uk/MinhDi\\_LaiNoiChuyenDuongThi5.htm](https://www.hon-viet.co.uk/MinhDi_LaiNoiChuyenDuongThi5.htm)

[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)



**VIỆT NAM VĂN HIẾN**  
www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 9000 TÁC PHẨM